TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - M phúc**

Bản án số:16/2018/DS-PT
Ngày: 15/3/2018
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Lan Phương

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Bà Lê Thị Dung

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Bảo Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Bà Vũ Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2017/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 15/11/2017 của Toà án nhân thành phố Sầm Sơn bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Song H, sinh 1954.

Địa chỉ: Số nhà 68, đường L, Khu phố T, phường T, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số nhà 22, đường L, khu phố M, phường B, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị M, sinh năm 1969

Địa chỉ: số nhà 03, đường C, Khu phố L, phường B, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Vũ Thị Song H, trình bày: Ngày 01/02/2016, bà H có cho có cho chị Nguyễn Thị B vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), khi vay có viết giấy vay tiền, thỏa thuận lãi xuất 1.000đ/ngày/triệu, trả lãi hàng tháng, hẹn đến tháng 6/2016 trả nợ gốc. Hết thời hạn vay, chị B không trả được nợ gốc mà để cho chị Lê Thị M tiếp tục trả lãi đến ngày 01/4/2017 sau khi chốt nợ gốc, lãi một thời gian. Cho đến tháng 2/2017 bà H đến nhà đôn đốc việc trả nợ, yêu cầu thanh toán số tiền 300.000.000 đồng nhưng chị B không trả và có thái độ trốn tránh. Vì vậy bà làm đơn khởi kiện ra Tòa đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: chị công nhận ngày 01/2/2016 chị có ký vào giấy vay số tiền 300.000.000 đồng của bà H, lãi xuất thỏa thuận 1.000đ/triệu/ngày (9.000.000 đồng/tháng), thời hạn trả nợ là tháng 6/2016, nhưng chị không phải là người nhận tiền mà chị M là người nhận tiền, chị chỉ là người trung gian và ký vào giấy là để làm chứng đồng thời có trách nhiệm đôn đốc chị M trả nợ cho bà H.

Tại B bản hòa giải vào các ngày 25/9 và 25/10/2017, chị B công nhận có ký giấy nhận nợ bà H số tiền 300.000.000 đồng, nay bà H khởi kiện chị là bị đơn, chị đã ký vào giấy thì chị phải chịu và cho rằng vào tháng 4/2017 chị đã đưa cho chị M số tiền 200.000.000 đồng vào để trả cho bà H, hiện nay chỉ còn nợ gốc là 100.000.000 đồng; Còn việc trả lãi hàng tháng, chị cùng chị M vào trả lãi cho bà H 6 tháng đầu *(Trong đó: 3 tháng đầu trả 7.500.000 đồng/tháng và 3 tháng sau trả 9.000.000 đồng/tháng*), sau đó chị và bà H giận nhau nên chị không vào trả lãi nữa mà để cho chị M vào trả lãi đến tháng mấy chị không biết. Nay bà H khởi kiện ra Tòa, chị đề nghị Tòa án trừ số tiền chị đã đưa cho chị M là 200.000.000 đồng vào trả cho bà H vào tháng 4/2017, chị chỉ còn nợ bà H 100.000.000 đồng nợ gốc, đồng thời đề nghị Tòa án tính lại lãi xuất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến nay, nếu số tiền lãi đã thanh toán còn thiếu thì chị sẽ tiếp tục trả tiếp, nếu còn thừa thì đề nghị trừ lùi vào nợ gốc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Lê Thị M trình bày: Vào ngày 01/2/2016, chị cùng chị B vào nhà bà H vay số tiền 300.000.000 đồng, nhưng với nội dung là chị B là người đứng vay cho chị. Quá trình vay, chị B vào trả lãi cho bà H được 6 tháng đầu, trả bao nhiêu chị không biết, sau đó chị vào trả lãi cho bà H. Đến ngày 01/4/2017, chị B đưa cho chị 200.000.000 đồng vào tính toán với bà H mục đích là để trừ vào khoản nợ gốc 300.000.000đồng nhưng bà H không nghe nên chị cùng bà H tính toán và thống nhất trả vào khoản nợ gốc của một khoản vay khác là

120.000.000 đồng (khoản vay này chị và chị B cùng ký vay của bà H), số tiền còn lại 80.000.000đồng thì trừ vào nợ lãi của cả hai khoản vay 120.000.000 đồng và khoản vay 300.000.000 đồng tính đến hết ngày 01/4/2017, từ đó đến nay không trả được lãi nữa. Nay bà H làm đơn khởi kiện chị B ra tòa, chị đề nghị Tòa án trừ khoản tiền 200.000.000 đồng mà chị B đưa cho chị để vào thanh toán cho bà H vào ngày 01/4/2017 vào khoản nợ gốc 300.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng tiền nợ gốc thì tính toán lại tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến nay là bao nhiêu nếu còn thiếu thì trả tiếp, còn thừa thì tiếp tục trừ lùi vào nợ gốc.

Quá trình làm việc tại Tòa án, chị B, bà H đều công nhận: chị B có vay vài lần tiền của bà H, song trả đến đâu bà H gạch sổ đến đó và công nhận có 3 khoản vay lớn:

- Khoản vay 200.000.000 đồng vào tháng 4/2014, (*khoản này chị B đã trả và thống nhất gạch sổ*).

- Khoản vay 120.000.000 đồng (vay 3 lần) vào tháng 4 và tháng 5/2016 (*khoản vay này là khoản vay chung có cả hai chữ ký người vay là chị B và chị M*).

- Khoản vay 300.000.000 đồng (*là khoản vay bà H đang khởi kiện*).

Bà H, chị B, chị M đều đề nghị Tòa án không xét đến khoản tiền nợ 120.000.000 đồng mà chỉ xem xét đến khoản nợ 300.000.000 đồng bà H đang khởi kiện.

Bà Vũ Thị Song H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về khoản tiền nợ gốc, chị B, chị M, bà H không thay đổi về nội dung đã thỏa thuận về phần lãi xuất là trừ lùi số tiền 48.937.500 đồng vào khoản nợ gốc 300.000.000đồng, còn lại 251.062.500 đồng Bà H yêu cầu chị B có trách nhiệm phải thanh toán cho bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 15/11/2017 của Toà án nhân thành phố Sầm Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 471; Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về khoản nợ lãi: Chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là bà H đã nhận 121.500.000 đồng tiền lãi do chị B, chị M thanh toán đến 01/4/2017, được trừ đi khoản lãi thỏa thuận lại là 72.562.500 đồng, còn lại 48.937.500 đồng thống nhất trừ lùi vào nợ gốc.

- Về khoản nợ gốc: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Song H về khoản tiền nợ gốc, sau khi trừ lùi số tiền dư lãi: Buộc chị Nguyễn Thị B phải trả cho

bà Vũ Thị Song H số tiền nợ gốc còn lại là 251.062.500 đồng (*hai trăm năm mốt triệu không trăm sáu hai nghìn năm trăm đồng)*

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, biện pháp đảm bảo thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 23/11/2017, chị Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo với nội dung: Cấp sơ thẩm buộc chị phải trả cho bà Vũ Thị Song H 251.062.500đ là không có căn cứ.

Ngày 23/11/2017, Bà Lê Thị M có đơn kháng cáo với nội dung: Cấp sơ thẩm buộc chị B phải trả cho bà Vũ Thị Song H 251.062.500đ là không có căn cứ, vì tôi có nhờ chị B vay chị H cho tôi 300.000.000đ nhưng đã trả 200.000.000đ tiền gốc nay tôi chỉ còn nợ 100.000.000đ tiền gốc; Cách tính lãi suất 13,5%/năm là cao đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện VKS phát biểu: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 15/11/2017 của Toà án nhân thành phố Sầm Sơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của các chị Nguyễn Thị B và Lê Thị M với nội dung: Cấp sơ thẩm buộc chị B phải trả cho bà Vũ Thị Song H 251.062.500đ là không có căn cứ.

Về nợ gốc: Các đương sự đều công nhận: Ngày 01/2/2016 chị Nguyễn Thị B có ký giấy vay của bà Vũ Thị Song H số tiền 300.000.000 đồng để đưa cho chị Lê Thị M. Chị B trình bày: ngày 01/4/2017 chị đã đưa cho chị M 200.000.000đ vào trả cho bà H nên nay chị chỉ nợ 100.000.0000đ tiền gốc và lãi chị chỉ còn phải thanh toán cho bà H số tiền là 51.062.500 đồng.

Chị M cũng thống nhất với ý kiến của chị B trình bày ở trên, vì chị M không quen biết bà H nên bà H không cho chị vay tiền mà phải vay thông qua chị B, đồng

thời đề nghị Tòa án trừ khoản tiền 200.000.000 đồng chị đã đưa cho bà H vào ngày 01/4/2017 vào khoản nợ gốc như chị B đã đề nghị.

Bà H thừa nhận ngày 01/4/2017 có nhận tiền 200.000.000đ của chị B trừ vào khoản nợ 120.000.000 đồng (vay 3 lần) vào tháng 4 và tháng 5/2016 (*khoản vay này là khoản vay chung có cả hai chữ ký người vay là chị B và chị M*). Còn 80.000.000đ là trả lãi khoản nợ gốc 300.000.000đ.

Chị B, chị M cũng đã thừa nhận bà H cũng đã viết một giấy nhận tiền đưa cho chị M mang về cho chị B với nội dung là trừ vào khoản nợ 120.000.000 đồng và các khoản lãi chưa thanh toán.

Như vậy các đương sự đã tự thỏa thuận dùng khoản tiền này để tính toán trả lãi cho khoản vay 300.000.000 đồng. Việc chị B trình bày đưa cho chị M 200.000.000 đồng vào thanh toán cho bà H khoản nợ 300.000.000 đồng, đây là thỏa thuận riêng giữa chị M và chị B, chị M không thực hiện theo đúng yêu cầu của chị B thì chị B có quyền làm đơn khởi kiện chị M bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà H thừa nhận có nhận của chị M 200.000.000 đồng nhưng để trừ vào khoản nợ 120.000.000 đồng và các khoản lãi chưa thanh toán. Khi chị M mang tiền vào trả cho bà H thì chị M thống nhất trả vào khoản vay 120.000.000 đồng và các khoản lãi chưa thanh toán đồng thời cùng thống nhất gạch sổ. Chị M còn viết chốt vào sổ cho bà H có nội dung thanh toán khoản 120.000.000 đồng và các khoản lãi tính đến 01/4/2017. Bà H cũng đã viết giấy nhận tiền với nội dung thanh toán khoản vay 120.000.000 đồng và lãi đến 01/4/2017 đưa cho chị M. Tại phiên tòa hôm nay, chị B, chị M cũng không xuất trình tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh là đã thanh toán trừ vào khoản nợ 300.000.000đ, vì vậy cấp sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị B phải trả cho bà Vũ Thị Song H 300.000.000đ tiền gốc và lãi theo qui định của pháp luật là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về khoản tiền nợ lãi: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã đã thỏa thuận thống nhất tính lãi đối với khoản vay 300.000.000đ, kể từ ngày vay 01/02/2016 cho đến 01/4/2017, Bà H đã nhận 121.500.000 đồng tiền lãi do chị B, chị M thanh toán. Sau khi thỏa thuận lại về lãi xuất là bằng 150% so với lãi xuất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định, thời điểm tính lãi từ ngày 01/2/2016 đến 15/11/2017 là 21 tháng 15 ngày, bằng 72.562.500 đồng, số lãi còn dư là 48.937.500 đồng, các đương sự thống nhất trừ lùi vào nợ gốc. Theo quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt nam quy định mức lãi xuất cơ bản là 9 %/năm. Tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi xuất cơ bản do ngân

hàng nhà nước quy định. Do vậy việc tính lãi của cấp sơ thẩm là có căn cứ đúng luật nên không chấp nhận kháng cáo của chị B và chị M về việc tính lãi lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị B và chị M không đưa ra được căn cứ gì khác để chứng minh cho việc kháng cáo của mình nên không được chấp nhận. Cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của của bà Vũ Thị Song H là có căn cứ đúng luật. Như vậy, chị Nguyễn Thị B phải trả cho bà Vũ Thị Song H các khoản tiền sau:

Tiền nợ gốc: 300.000.000đ

Tiền lãi: 72.562.500đ

Tổng hai khoản là: 372.562.500đ

Chị B đã trả: 121.500.000đ

Buộc chị Nguyễn thị B phải trả tiếp cho bà Vũ Thị Song H số tiền là: 251.062.500đ (hai trăm năm mốt triệu không trăm sáu hai ngàn năm trăm đồng).

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chị B và chi M kháng cáo án không được sửa nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên: Áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do cấp sơ thẩm tuyên án chưa rõ ràng nên cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về lời tuyên.

QUYẾT ĐỊNH

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 15/11/2017 của Toà án nhân thành phố Sầm Sơn.

[1] Áp dụng:

- Căn cứ vào Điều 471; Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Song H về việc buộc chị Nguyễn Thị B phải trả cho bà các khoản tiền sau:

Tiền nợ gốc: 300.000.000đ

Tiền lãi: 72.562.500đ

Tổng hai khoản là: 372.562.500đ

Chị B đã trả: 121.500.000đ

Buộc chị Nguyễn thị B phải trả tiếp cho bà Vũ Thị Song H số tiền là: 251.062.500đ (hai trăm năm mốt triệu không trăm sáu hai ngàn năm trăm đồng)

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị B và chị Lê Thị M phải chịu mỗi người 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ tại Biên lai thu số AA/2016/0003934 ngày 30/11/2017, AA/2016/0003935 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn (chị B và chị M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục thi hành án Sầm Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Lan Phương